TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/03/2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân;

2. Bà Trần Thị Phiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2023/TLST- HNGĐ, ngày 18/10/2023 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/QĐXXST- HNGĐ ngày 5/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST – HN ngày 29/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 quen biết tìm hiểu nhau khoảng vài năm. Năm 2007, được gia đình tổ chức cưới nên vợ chồng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 03 – 04/2021 chị T phát hiện anh T1 có quan hệ tình cảm với bạn của chị T, chị T vẫn tha thứ cho anh T1; anh T1 có nói với chị T là anh sẽ đi xa vì sợ chồng của bạn chị T sẽ giết anh, chị T có động viên anh T1 ở lại làm ăn nhưng anh T1 đã bỏ đi từ tháng 5/2021 cho đến nay. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ khi anh T1 bỏ đi cho đến nay. Từ lúc đi anh T1 chỉ về nhà một lần, anh T1 có liên lạc với con nhưng không liên lạc với chị T nên vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm và đoàn tựu chung sống trở lại được.

Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh T1 nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: chị T và anh T1 chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Phát T2 sinh ngày 15/5/2008, Nguyễn Kim T3 và Nguyễn Kim T4 cùng sinh ngày 10/12/2009. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi 03 con chung, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các con đang sống với chị T.

- Về tài sản chung: chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn xử lý đơn.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, riêng bị đơn chưa thực hiện theo qui định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1. Về con chung: giao cháu Nguyễn Phát T2 sinh ngày 15/5/2008, Nguyễn Kim T3 và Nguyễn Kim T4 cùng sinh ngày 10/12/2009 cho chị

T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, đương sự không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung: chị T trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Kim T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T1 cư trú tại xã A, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Thanh T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Kim T và anh Nguyễn Thanh T1 chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì anh T1 có tình cảm với người phụ nữ khác. Chị T cho anh T1 cơ hội sửa đổi nhưng anh T1 bỏ đi không chung sống với chị T từ năm 2021 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân đã lâu nên chị T không còn tình cảm với anh T1 vì vậy chị xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy với nhau. Trong thời gian chung sống, do anh T1 có tình cảm với người phụ nữ khác nên không còn chung sống với chị T từ năm 2021 cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh T1 cũng không liên lạc với chị T để hàn gắn tình cảm, anh T1 cũng không trở về thăm chị T và các con thường xuyên điều đó chứng tỏ rằng giữa chị T và anh T1 đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

[2.2] Về con chung: chị T và anh T1 chung sống với nhau có 03 con chung tên Nguyễn Phát T2 sinh ngày 15/5/2008, Nguyễn Kim T3 và Nguyễn Kim T4 cùng sinh ngày 10/12/2009. Chị T yêu cầu được nuôi 03 con chung sau khi ly hôn,

chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc chị T và anh T1 sống ly thân thì các con do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Cuộc sống của các cháu đã ổn định, chị T chăm sóc các cháu tốt và vẫn đảm bảo việc học của các cháu. Nguyện vọng của các cháu cũng muốn được sống cùng với chị T. Anh T5 cũng không có văn bản ý về việc yêu cầu nuôi con chung của chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các cháu nên giao các cháu Nguyễn Phát T2, Nguyễn Kim T3 và Nguyễn Kim T4 cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: chị T trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T5 không có văn bản ý kiến về tài sản chung do đó Tòa án không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn nếu có tranh chấp về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Kim T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Phát T2 sinh ngày 15/5/2008, Nguyễn Kim T3 và Nguyễn Kim T4 cùng sinh ngày 10/12/2009 cho chị Nguyễn Kim T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị Nguyễn Kim T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (các con đang sống với chị T).

Anh Nguyễn Thanh T1 có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 18/10/2023 theo biên lai số 0005772 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị T phải nộp.

6. Nguyên đơn chị Nguyễn Kim T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã An Khánh số 158 ngày 03/12/2007;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan